TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long Biên, ngày 01 tháng 10 năm 2020

Số: **104**/2020/QĐST-KDTM

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 39/2020/TLST- DS ngày 03 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đó hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn**: **Ngân hàng TMCP KT Việt Nam**

Trụ sở: Số 191 BT, phường LĐH, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị N, Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ.

(Theo Quyết định ủy quyền số: 1218/2017/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2017).

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Dương Đình Ch, Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ.

(Theo Giấy ủy quyền số: 874/2019/UQ-TCB ngày 28/8/2019).

- **Bị đơn**: **Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1969 và bà Đỗ Thị O, sinh năm 1974**

HKTT: Tổ 27 Liên Gia 3, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, TP Hà Nội

Hiện ở: Số 8, ngõ 1A, Long Biên I, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, TP Hà Nội

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1 - Nguyên đơn Ngân hàng TMCP KT Việt Nam và bị đơn là ông Nguyễn Văn B, bà Đỗ Thị O xác nhận đã cùng nhau ký kết các Hợp đồng tín dụng số: Hợp đồng

tín dụng số 25284/HĐTD/TH-TN/TCB-CLN và Khế ước nhận nợ số 25284 ngày 10/9/2009; Hợp đồng tín dụng số 32256/HĐTD/TH-TN/TCB-TLG-CLH và Khế ước nhận nợ số 32256 ngày 03/7/2010; Hợp đồng tín dụng số 39695/HĐTD/TH-TN/TCB TLG-CLH và Khế ước nhận nợ số 39695 ngày 07/12/2010; Hợp đồng tín dụng số 46679/HĐTD/TH-TN/TCB TLG-CLH và Khế ước nhận nợ số 46679 ngày 24/3/2011.

2 - Ngân hàng TCMCP KT Việt Nam rút yêu cầu đối với:

- Tổng số tiền lãi phạt theo các hợp đồng:

+ Hợp đồng tín dụng số 25284/HĐTD/TH-TN/TCB-CLN là: 89.401.782 đồng

+ Hợp đồng tín dụng số 32256/HĐTD/TH-TN/TCB-TLG-CLH là: 1.390.200.003 đồng (*Một tỷ ba trăm chín mươi triệu hai trăm nghìn không trăm không ba đồng)*

+ Hợp đồng tín dụng số 39695/HĐTD/TH-TN/TCB TLG-CLH là: 1.201.575.242 đồng *(Một tỷ hai trăm linh một triệu năm trăm bẩy năm nghìn hai trăm bốn hai đồng).*

+ Hợp đồng tín dụng số 46679/HĐTD/TH-TN/TCB TLG-CLH là: 1.140.558.297 đồng. *(Một tỷ một trăm bốn mươi triệu năm trăm năm tám nghìn hai trăm chín bẩy đồng).*

- Số tiền phạt vi phạm hợp đồng là: 50.080.000 đồng. *(Năm mươi triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).*

3. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP KT Việt Nam và bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Đỗ Thị O xác nhận:

Tính đến ngày 23/9/2020, tổng dư nợ ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị O tại Ngân hàng TMCP KT Việt Nam cụ thể như sau:

Khế ước: LD 1134939695:
- Nợ gốc: 1.131.952.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 1.026.554.770 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 683.928.061 đồng

Tổng cộng: 2.842.434.831 đồng

Khế ước: LD 1134925284:
- Nợ gốc: 383.312.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 45.950.502 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 716.822.573 đồng

Tổng cộng: 1.146.085.075 đồng

Khế ước: LD 1134932256:
- Nợ gốc: 1.316.674.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 1.178.608.146 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 822.875.637 đồng

Tổng cộng: 3.318.157.783 đồng

Khế ước: LD 1134946679:
- Nợ gốc: 1.103.300.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 1.024.887.175 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 566.638.324

Tổng cộng: 2.694.825.499 đồng

Tổng cộng toàn bộ khoản nợ của 04 khế ước là:

- Nợ gốc: 3.935.238.000 đồng *(Ba tỷ chín trăm ba năm triệu hai trăm ba tám nghìn đồng)*
- Nợ lãi trong hạn: 3.276.000.593 đồng *(Ba tỷ hai trăm bẩy sáu triệu năm trăm chín ba đồng).*
- Nợ lãi quá hạn: 2.790.264.595 đồng *(Hai tỷ bẩy trăm chín mươi triệu hai trăm sáu tư nghìn năm trăm chín lăm đồng)*

Tổng cộng: 10.001.503.188 đồng *(Mười tỷ không trăm linh một triệu năm trăm linh ba nghìn một trăm tám tám đồng).*

Ngân hàng TMCP KT Việt Nam đồng ý để ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị O nộp số tiền là: 7.000.000.000 đồng *(Bẩy tỷ đồng)* để tất toán khoản nợ và giải chấp tài sản thế chấp.

Lộ trình:
- Chậm nhất ngày 31/10/2020: Nộp số tiền 3.000.000.000 đồng. *(Ba tỷ đồng)*
- Chậm nhất ngày 30/11/2020: Nộp số tiền 4.000.000.000 đồng. *(Bốn tỷ đồng)*

Trật tự thu hồi nợ: Gốc, lãi.

Sau khi ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị O nộp tiền theo đúng lộ trình trên, Ngân hàng TMCP KT Việt Nam đồng ý giải chấp tài sản thế chấp trên cho ông B, bà O; Miễn toàn bộ nợ lãi còn lại, miễn phí trả nợ trước hạn, phí và các chi phí khác phát sinh cho đến ngày tất toán (Nếu có).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị O vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào (vi phạm về số tiền và/hoặc thời gian nộp tiền) theo lộ trình trả nợ nêu trên thì coi như vi phạm toàn bộ nghĩa vụ, khi đó Ngân hàng TMCP KT Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp của khoản vay để thu hồi toàn bộ khoản nợ nói trên là 10.001.503.188 đồng (Số liệu cụ thể từng khoản của từng hợp đồng đã có ở trên) và lãi phát sinh cho Ngân hàng. Cụ thể tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 06, tờ bản đồ số 330-04 tại địa chỉ: số 1 Long Biên 1, tổ 26 thị trấn Gia Lâm, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội (hiện nay là số 1 Long Biên 1, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, TP Hà Nội); Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10119013556, hồ sơ gốc số 0527.2003, QĐ số 1386/QĐ-UB do UBND huyện Gia Lâm cấp ngày 12/9/2003. Diện tích thửa đất căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Sơ đồ hiện trạng thửa đất đo vẽ thực tế.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị O vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP KT Việt Nam.

3. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí cho số nợ 7.000.000.000 đồng *(Bảy tỷ đồng)*. Do các đương sự tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án trước khi mở phiên toà nên chỉ phải chịu 50% mức án phí theo quy định. Ghi nhận sự tự nguyện nộp cả án phí DSST của ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị O. Vì vậy:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị O phải nộp 57.500.000 đồng *(Năm mươi bẩy triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP KT Việt Nam số tiền 60.115.000 đồng *(Sáu mươi triệu một trăm mười năm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên theo biên lai số 0016041 ngày 03/3/2020.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án phải chịu lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng đối với số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Long Biên;
- THADS quận Long Biên
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Xuân Hương